

# SƠ BỘ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI DẦU TIẾNG ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG HƯỞNG LỢI

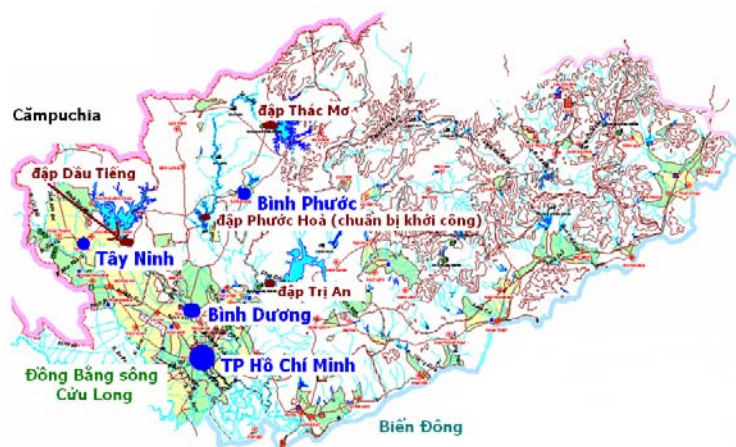


PGS.TS. Lương Văn Thanh  
*Viện Khoa học Thủy lợi  
Miền Nam*

(Preliminary impacts  
evaluation of Dau Tieng  
hydraulic system for  
socio-economic of  
affected areas)

(Summary)

Dau Tieng reservoir is, the largest hydraulic system in the country, built in 1980 and operated in 1984 with its storage of 1,58 billion m<sup>3</sup> and water surface area of 27,000 ha. This system have well contributed for socio-economic development of Tay Ninh, Long An, Binh Duong provinces and Ho Chi Minh City. Based on the collected data from the provinces and agencies authors evaluate the efficiency of the hydraulic



system after 20 years of operation and exploitation for the purposes of agriculture, industry, water supply, flood control, saline intrusion restriction in the river mouth and environmental improvement to be scientific basic for management, operation and exploitation of water resources of the reservoirs.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Trong suốt 20 năm vận hành và khai thác, công trình thủy lợi Dầu Tiếng đã có những đóng góp đáng kể trong phát triển kinh tế-xã hội và cải thiện điều kiện môi trường cho những vùng hưởng lợi: (i) Tưới trực tiếp cho 63.000 ha, trong đó Tây Ninh 48.500 ha, Củ Chi 14.300 ha và hiện đang mở rộng thêm hệ thống tưới Tân Hưng để đạt được diện tích 10.700 ha, (ii) tạo nguồn nước cho 41.000 ha ven sông Sài Gòn và Vàm Cỏ Đông, (iii) tạo nguồn nước cấp cho các nhà máy nước Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh và (iv) đẩy ranh giới mặn 4<sup>TM</sup> xuống dưới rạch Tra trên sông Sài Gòn và dưới Xuân Khánh trên sông Vàm Cỏ Đông, góp phần làm giảm mức độ ô nhiễm trên sông Sài Gòn và hệ thống kênh rạch trong vùng vào thời đoạn mùa khô.

Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát cho thấy từ năm 1995 – 2004 đã có 5 năm (năm 1995, 1998, 2000, 2002 và 2004) mực nước trong lòng hồ vào giai đoạn cuối mùa khô xuống dưới mực nước chết gây thiếu nguồn nước tưới và không đủ lượng nước xả xuống hạ du phục vụ cho yêu cầu đẩy mặn cũng như cấp nước sinh hoạt. Để nâng cao hiệu quả sử dụng của hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng trong lĩnh vực tưới trong nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt và đẩy mặn trên 2 sông Sài Gòn và Vàm Cỏ Đông Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định phê chuẩn dự án chuyển nước (50m<sup>3</sup>/s) từ hồ Phước Hoà trên sông Bé vào hồ Dầu Tiếng.

Hệ thống kênh tưới, tiêu của công trình hiện nay có thể nói là khá hoàn chỉnh so với các hệ thống thủy lợi khác đã được xây dựng ở khu vực phía Nam, ngoài kênh chính Đông và Tây, các hệ thống kênh cấp I, cấp II, cấp III và cấp IV cũng được xây dựng khá đồng bộ và quản lý có hiệu quả. Tuy nhiên một số đoạn kênh cũng còn bị sạt lở, bồi lắng và cỏ mọc dày làm cản trở dòng chảy cần thiết phải được tu bổ, nạo vét kịp thời. Sau khi nhận nước từ hồ Phước Hoà thì khả năng khai thác của hồ Dầu Tiếng sẽ được tăng cao rất nhiều. Vấn đề tổng kết, đánh giá hiệu quả của công trình thủy lợi Dầu Tiếng nhằm phát huy những thành quả đã đạt được và khắc phục những mặt hạn chế trong công tác quản lý, vận hành là việc làm cần thiết, mang tính khoa học và thực tiễn.

## II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 2.1 Hoạt động khai thác thủy sản trong lòng hồ

Với diện tích mặt nước rộng là 27.000 ha, ứng với mực nước dâng bình thường là 24,4m, hồ Dầu Tiếng không những là nguồn cung cấp nước ngọt dồi dào phục vụ sản xuất nông nghiệp, cho sinh hoạt mà còn là môi trường lý tưởng để nuôi và khai thác thủy sản nước ngọt. Ngoài ra, còn có thể khai thác lòng hồ và các đảo trong lòng hồ cho mục đích du lịch sinh thái hồ là một loại hình du lịch đang có hướng phát triển và có hiệu quả kinh tế cao trong những năm gần đây.

Thành phần loài cá ở hồ Dầu Tiếng qua kết quả nghiên cứu năm 2004 cho thấy số lượng loài là không nhiều, chúng tôi ghi nhận có 54 loài thuộc 20 họ và 10 bộ. Nhìn chung, bộ Cypriniformes (bộ cá chép) có số loài chiếm ưu thế nhất với 21 loài chiếm 38,89%, kế đến là bộ Perciformes có 10, bộ Siluriformes (bộ các nheo) có 10 loài chiếm 18,52%, các bộ còn lại với số lượng loài thấp từ 1 đến 2 loài chiếm 21,1%. Kết quả so sánh của hồ Dầu Tiếng và hồ Trị An cho thấy số lượng loài cá ở hồ Dầu Tiếng chỉ bằng 50% so với hồ Trị An (Bảng 1). Số lượng và thành phần loài các hồ Trị An phong phú là do lượng cá thả trên hồ Trị An được bổ sung thêm hàng năm, ngoài ra còn do lưu vực của hồ Trị An (14.800 km<sup>2</sup>) với lượng thủy sản từ 2 sông lớn là La Ngà và Đồng Nai đổ về đây, trong khi đó hồ Dầu Tiếng có lưu vực nhỏ (2.700 km<sup>2</sup>) nên số lượng loài cá ở hồ Dầu Tiếng kém phong phú.

**Bảng 1: So sánh thành phần loài cá giữa hồ Trị An & hồ Dầu Tiếng**

Bộ	Số lượng loài	Loài cá ở hồ Trị An (%)	Số lượng loài	Loài cá ở hồ Dầu Tiếng (%)
Cypriniformes	63	57,80	21	38,89
Perciformes	19	17,43	10	18,52
Siluriformes	17	15,60	10	18,52
Others	10	9,17	13	21,10
<b>Tổng cộng</b>	<b>109</b>	<b>100</b>	<b>54</b>	<b>100</b>

Tình hình nuôi cá lồng trong lòng hồ giai đoạn vừa qua phát triển rất mạnh, tính đến cuối năm 2004 đã có tới 1.208 lồng cá và sản lượng cá nuôi lồng đạt tới khoảng 6.000 tấn/năm tạo công ăn việc làm và thu nhập cho nhiều người dân xung quanh và lân cận vùng lòng hồ. Tuy nhiên, để đạt được sản lượng cá này thì lượng thức ăn phải đưa vào hồ vào khoảng 20.000 tấn/năm cùng với nhiều loại thuốc kháng sinh và chất thải của người dân sống trên các lồng cá gây ô nhiễm nguồn nước hồ. Để hạn chế chất thải và cải thiện chất lượng nước hồ Dầu Tiếng Công ty Quản lý khai thác công trình thủy lợi Dầu Tiếng đã đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh, Bình Dương và Bình Phước ban hành chỉ thị giải toả hết các hộ nuôi cá bè trong lòng hồ. Theo kết quả kiểm tra cho thấy đến ngày 28/04/2006 vẫn còn 31 hộ vẫn còn tiếp tục nuôi trong lòng hồ.

Như vậy, cần thiết phải hạn chế tình trạng phát triển các bè nuôi cá trong lòng hồ và đẩy mạnh việc nuôi cá theo hướng tự nhiên trong hồ nhằm vừa khai thác hiệu quả nguồn lợi từ diện tích

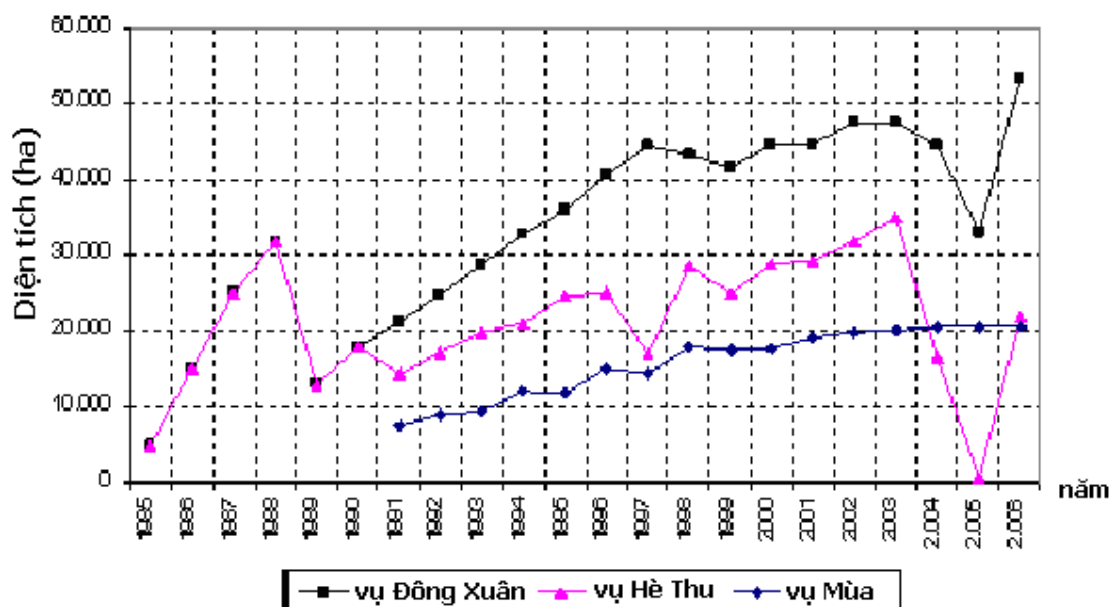
mặt nước và bảo vệ được chất lượng nước của hồ phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội cho phía hạ du. Kết quả phân tích cho thấy các loài cá trong lòng hồ Dầu Tiếng còn nghèo nàn so với hồ Trị An và cần bổ sung bằng cách thả thêm các loài cá ăn tầng mặt, tầng giữa và tầng đáy phù hợp để đạt được sản lượng khai thác cao có hiệu quả kinh tế.

## 2.2 Hiệu quả sử dụng nước tưới trong nông nghiệp:

### a) Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh:

Từ khi có hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng, Tây Ninh là tỉnh được hưởng lợi nhiều nhất về khả năng sử dụng nguồn nước cho tưới trong nông nghiệp so với các tỉnh trong khu vực như Long An, Tp. Hồ Chí Minh và Bình Dương. Trong vùng tưới của hệ thống thủy lợi thủy Dầu Tiếng ngày nay vốn trước đây là đất đai hoang hóa, cằn cỗi, diện tích sản xuất được ít, chỉ trồng lúa một vụ và một số cây công nghiệp ngắn ngày như: mì, bắp, đậu phộng,... và năng suất rất thấp (lúa 1tấn/ha, bắp 1tấn/ha, đậu phộng 1,2tấn/ha) và hầu hết những diện tích này bỏ hoang trong suốt cả thời kỳ mùa khô và nguồn nước thủy lợi để thâm canh tăng vụ phát triển kinh tế là niềm mơ ước của người dân Tây Ninh thời bấy giờ.

Kết quả tổng hợp từ năm 1985 đến 2006 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh về diện tích tưới và diện tích tiêu được thể hiện trong hình 1. Kết quả tổng hợp cho thấy cùng với việc đầu tư phát triển của của hệ thống công trình thủy lợi, biện pháp quản lý điều tiết và phân phối nguồn nước diện tích tưới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ngày càng được mở rộng. Năm 1985 diện tích tưới khoảng 10.000 ha; năm 1990 tăng lên khoảng 36.000 ha; năm 2000 là khoảng 90.000 ha và hiện nay ổn định khoảng gần 100.000 ha. Tất cả các loại cây trồng đều tăng, nhất là tưới cho vụ Đông Xuân, là vụ có thời gian gieo cấy vào mùa khô có diện tích tăng lên từ 5.000 ha (1985); tăng lên 18.000 ha (1990); tăng lên 53.500 ha (2006).



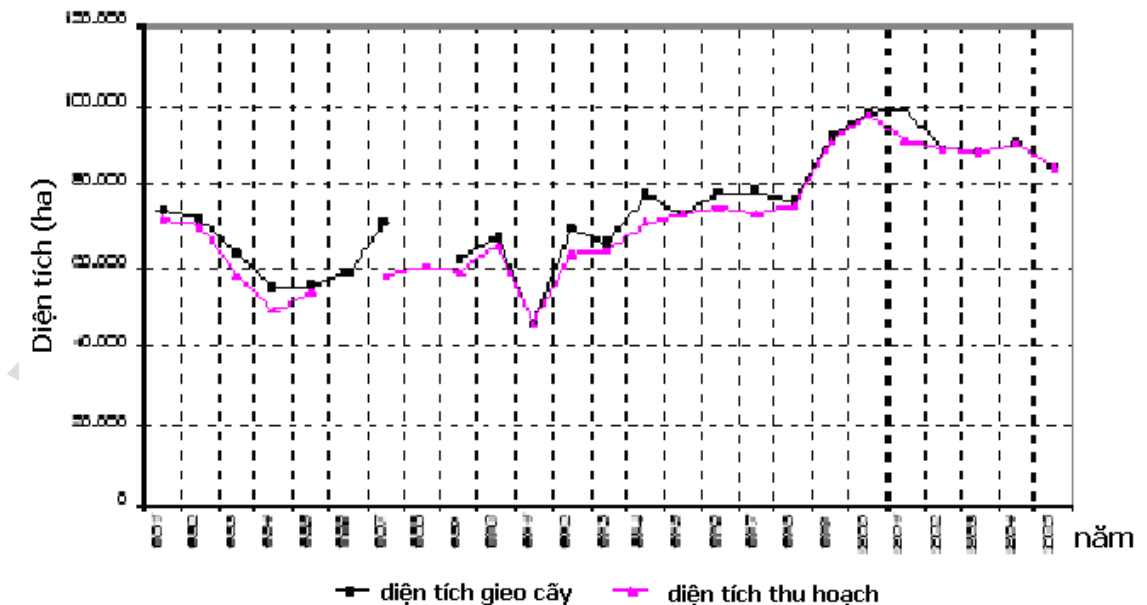
**Hình 1: Tổng hợp diện tích sản xuất nông nghiệp theo mùa vụ của tỉnh Tây Ninh sử dụng nước tưới của hồ Dầu Tiếng**

Năm 2005 là năm khô hạn nhất trong 20 năm gần đây và hồ Dầu Tiếng chỉ tích được khoảng 50% dung tích hữu ích của hồ gây thiếu nước nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp (chỉ tưới được cho 54.450 ha) và cấp nước cho các ngành cũng như lượng nước cho đẩy mặn phía hạ du. Năm 2003 (đủ nước) tưới được 102.545 ha; năm 2004 (thiếu nước nhưng không quá nghiêm trọng) tưới được 81.500 ha; và năm 2006 (đủ nước) tính đến thời điểm tháng 10/2006 tưới được 96.000 ha.

**b) Trên địa bàn tỉnh Long An:**

Tổng hợp thống kê 3 huyện (Đức Huệ , Đức Hòa, Bến Lức) có sử dụng nguồn nước từ hồ Dầu Tiếng cho thấy: trước đây những năm chưa có hồ Dầu Tiếng (1983) thì diện tích gieo cấy là 63.310 ha, năng suất 26 tạ/ha, diện tích được tưới 20.710 ha. Đến nay, qua 20 năm đầu tư nạo vét, xây dựng mới các công trình thủy lợi, kênh mương dẫn nước nên sản xuất nông nghiệp ngày càng được cải thiện. Kết hợp với đó là việc đầu tư máy móc, giống tốt, phân bón,... mà đặc biệt là nguồn nước bổ sung từ hồ Dầu Tiếng làm cho diện tích gieo cấy ngày càng tăng. Cụ thể năm 2005, diện tích gieo cấy là 84.794 ha, năng suất bình quân đạt được 31 tạ/ha, đạt sản lượng 316.601 tấn, diện tích tưới được 74.602 ha. Như vậy, sau 20 năm đi vào hoạt động của hồ Dầu Tiếng, diện tích gieo cấy của 3 huyện tăng lên khoảng 1,5 lần, năng suất tăng lên đáng kể, còn diện tích tưới thể hiện rõ nhất khả năng phục vụ của hồ Dầu Tiếng tăng thêm khoảng 50.000 ha (Hình 2).

Vụ Đông Xuân là vụ cần nguồn nước tưới hơn cả, vì thời gian gieo cấy và thu hoạch từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau, đúng vào mùa khô. Khi bắt đầu có hồ Dầu Tiếng (1984), với hệ thống kênh mương dẫn nước còn rất hạn chế, diện tích lúa Đông Xuân là 10.451 ha, năng suất 7,3 tạ/ha, diện tích được tưới là 3.185 ha trong đó có 837 ha tưới tự chảy. Đến năm 2005, diện tích gieo cấy vụ Đông-Xuân là 48.125 ha, năng suất tăng gần 5 lần (đạt bình quân 36 tạ/ha), hầu hết diện tích gieo cấy đều được tưới, trong đó tưới tự chảy là 5.468 ha.



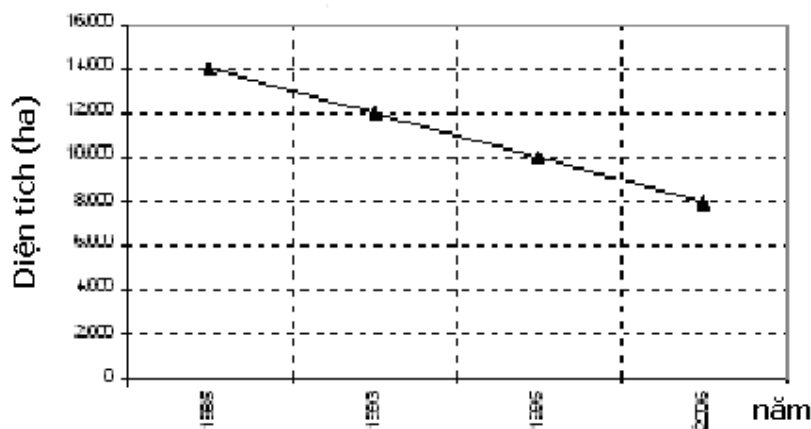
**Hình 2: Tổng hợp diện tích sản xuất nông nghiệp của tỉnh Long An sử dụng nguồn nước tưới của HTTL hồ Dầu Tiếng.**

Ngoài ra, khi hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng hoàn thành đi vào khai thác thì diện tích trồng màu của 3 huyện liên tục tăng theo thời gian. Theo thống kê khi chưa có hồ Dầu Tiếng (1983) diện tích trồng màu là 6.490 ha, tập trung tại hai huyện là Đức Hòa và Bến Lức. Năm 1995 diện tích này là

11.994 ha, năm 2000 là 15.806 ha và năm 2005 diện tích trồng màu đã đạt tới 29.078 ha. Từ năm 1999 trở lại đây, tất cả diện tích trồng màu của 3 huyện Đức Huệ, Đức Hòa và Bến Lức đều được tưới ổn định và cho năng suất và chất lượng sản phẩm cao.

### c) Trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh:

Tổng diện tích đất nông nghiệp sử dụng nguồn nước tưới của HTTL hồ Dầu Tiếng từ năm 1985 đến nay được thể hiện trong hình 3. Việc giảm diện tích SXNN trên địa bàn TP. HCM trong từng giai đoạn là do nhiều nguyên nhân: chuyển mục đích sử dụng của một số vùng đất để có hiệu quả kinh tế cao hơn, do tốc độ đô thị hóa nhanh, đất dành cho phát triển các khu công nghiệp,... Tuy nhiên, có thể nhận thấy rõ sự thay đổi rất tích cực của toàn khu vực từ khi có nguồn nước từ hồ Dầu Tiếng. Trước đây, khi chưa có hệ thống kênh Đông, vùng đất Củ Chi rất khô cằn, nhất là vào mùa khô và chỉ sản xuất chỉ được một vụ trong một năm nhưng bắp bênh, năng suất lúa khoảng 1,2-1,5 tấn/ha/vụ, đậu khoảng 0,8 tấn/ha/vụ, đất đai khô cằn, mực nước ngầm nằm rất sâu với trữ lượng rất ít không đủ khai thác phục vụ sản xuất.



**Hình 3: Tổng hợp diện tích SXNN của TP. HCM sử dụng nước tưới của hồ Dầu Tiếng**

Từ khi có nguồn nước kênh Đông Củ Chi, nơi đây đã sản xuất được ba vụ (vòng quay đất được tăng lên 2,5-3 lần), năng suất lúa trên 4-5 tấn/ha/vụ, đậu 2,5-3,2 tấn/ha/vụ và các loại rau màu và cây trồng khác đều có năng suất tăng lên. Quan trọng hơn là từ khi có nguồn nước từ hồ Dầu Tiếng đã cải tạo đất ở những vùng hoang hóa, sản xuất được quanh năm, cải thiện môi trường sinh thái và điều hòa khí hậu cho tiểu vùng. Ngoài ra, nguồn nước thấm từ SXNN làm cho mực nước ngầm trong khu vực tăng cao và khá dồi dào, chất lượng khá tốt, có thể sử dụng cho sinh hoạt và một số ngành khác. Nhiều quy mô, hình thức sản xuất kinh tế ra đời nhờ có nguồn nước kênh Đông như các trang trại trồng rau sạch, trồng hoa, nuôi ba ba, cá cảnh, nuôi thủy sản (tôm, cá nước ngọt), cá sấu... góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, làm thay đổi căn bản diện mạo nông dân ngoại thành, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa ngoại thành và nội thành.

## 2.3 Sử dụng nguồn nước hồ Dầu Tiếng cho cấp nước sinh hoạt và công nghiệp

Công trình thủy lợi Hồ Dầu Tiếng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cung cấp nguồn nước cho công nghiệp và sinh hoạt cho các tỉnh tây Ninh, Bình Dương, Long An và TP. Hồ Chí Minh. Nguồn nước sử dụng tưới cho nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tây Ninh ngoài việc tăng diện tích canh tác, nâng cao năng suất cây trồng và tăng khả năng quay vòng của đất còn bổ sung một phần để nâng

cao mực nước ngầm trong đất góp phần cải tạo môi trường đất và cung ứng nguồn nước dưới đất có chất lượng tốt cho cấp nước sinh hoạt của các vùng nông thôn. Hồ Dầu Tiếng hàng năm đã cung cấp nguồn nước cho phát triển công nghiệp và sinh hoạt góp phần rất quan trọng trong chiến lược phát triển ngành công nghiệp mía đường và các ngành công nghiệp chế biến từ các sản phẩm nông nghiệp cũng như góp phần quan trọng đối với nhiệm vụ cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Nguồn nước điều tiết của hồ Dầu Tiếng trên sông Sài Gòn đã đẩy nhanh về phía hạ lưu góp phần rất quan trọng cho việc lấy nước sông Sài Gòn xử lý phục vụ cấp nước sinh hoạt và cấp nước cho các nhà máy chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh. Tổng lượng nước cấp từ nguồn nước hồ Dầu Tiếng cho các nhà máy dọc sông Sài Gòn cho các mục đích cấp nước sinh hoạt và công nghiệp là 40 triệu m<sup>3</sup>/năm, trong đó bao gồm: (i) các nhà máy đường, khoai mì Tây Ninh: 18,5 triệu m<sup>3</sup>/năm; (ii) nhà máy nước Tây Ninh 1,5 triệu m<sup>3</sup>/năm; (iii) nhà máy nước Thủ Dầu Một 2,0 triệu m<sup>3</sup>/năm và (iv) nhà máy nước Tân Hiệp 18 triệu m<sup>3</sup>/năm. Hiện tại, thì hàng năm Công ty Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng cũng đã thu được từ 3,0 đến 3,8 tỷ đồng phí sử dụng nước của nhà máy nước Tân Hiệp phục vụ cho công tác nâng cấp, duy tu và bảo dưỡng công trình.

Nhìn chung, hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng đóng góp vai trò rất lớn trong việc cung cấp nguồn nước sạch cho phát triển các ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm trong nông nghiệp, ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm cho các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Long An và Tp. Hồ Chí Minh trong 20 năm qua và cho những thập niên tới. Ngoài ra, trong tương lai thì Bình Dương và đặc biệt TP. Hồ Chí Minh sẽ là các siêu trung tâm công nghiệp phát triển công nghiệp lớn thì vấn đề cấp nước sinh hoạt và công nghiệp sẽ đóng vai trò cực kỳ quan trọng để thực thi sứ mệnh này mà trong đó nguồn nước chính để cung cấp cho các nhà máy, khu công nghiệp trong thời kỳ mùa khô là từ hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng.

#### **2.4 Hiệu quả đẩy mặn do điều tiết nước của hồ Dầu Tiếng**

Hồ Dầu Tiếng đã phát huy tốt về kiểm soát nguồn mặn trên sông Sài Gòn vào mùa khô thông qua việc điều tiết nguồn nước xả đẩy lùi ranh mặn trên sông về phía hạ lưu góp phần bổ sung nguồn nước ngọt vào mùa khô cho các vùng tưới ven sông. Trước đây khi chưa có hồ Dầu Tiếng, biên mặn bình quân 4g/l thường xuất hiện vào tháng IV ở rạch Tra trên sông Sài Gòn, ở Hiệp Hoà trên sông Vàm Cỏ Đông. Sau khi có sự điều tiết gia tăng lưu lượng vào mùa khô của hồ Dầu Tiếng 20 - 25 m<sup>3</sup>/s, biên mặn 4g/l đã được đẩy lùi về phía hạ lưu tại Hiệp Bình trên sông Sài Gòn. Trên sông Vàm Cỏ Đông, nhờ lượng nước hồi quy từ các khu tưới của hồ Dầu Tiếng cũng đã góp phần giảm mức độ xâm nhập mặn lên thượng nguồn, trước đây tại cầu An Hạ mặn thường xuất hiện vào tháng III và tháng IV nay chỉ còn mặn trong một tháng. Kết quả thể hiện trong hình 4 cho thấy rằng với nguồn nước xả từ hồ Dầu Tiếng vào những tháng mùa kiệt có tác dụng đẩy mặn trên sông Sài Gòn lớn hơn nhiều so với đẩy mặn trên sông Vàm Cỏ Đông.

Theo tài liệu của nhà máy nước Tân Hiệp nếu nguồn nước thô cung cấp cho nhà máy tại trạm bơm Hoà Phú – Thủ Dầu Một không đạt tiêu chuẩn cho phép 250mgCl/l thì phải ngưng hoạt động. Trong khi đó, vào thời kỳ kiệt nhất của năm 2005 hồ Dầu Tiếng xả đẩy mặn, nguồn nước sông Sài Gòn tại trạm bơm Hoà Phú có trung bình 12-14 giờ độ mặn vượt tiêu chuẩn cho phép 250mgCl/l (gần tương đương với S=0,45g/l). Điều đó cho thấy với những năm nắng hạn điển hình như năm 2005, việc khai thác xả đẩy mặn 4g/l xuống Hiệp Bình Phước của hồ Dầu Tiếng đảm bảo nguồn nước ngọt liên tục cho nhà máy nước Tân Hiệp vào mùa khô là cực kỳ khó khăn.



Như vậy, vào những năm mưa ít, lượng nước tích của hồ Dầu Tiếng không đủ theo mức đảm bảo thiết kế thì vấn đề xả nước cho nhiệm vụ đẩy mặn phía hạ du là không thể đáp ứng đủ theo yêu cầu gây nên tình trạng mặn dâng cao lên thượng nguồn ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp, đời sống người dân vùng ven sông và gây khó khăn và tốn kém trong xử lý cấp nước cho đô thị. Việc bổ sung nguồn nước từ hồ Phước Hoà (50 m<sup>3</sup>/s) về hồ Dầu Tiếng theo như kết quả tính toán sẽ thoả mãn các yêu cầu hiện nay về xả nước đẩy mặn dưới hạ du và tưới trong nông nghiệp.

### III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Dựa trên kết quả phân tích, đánh giá chung thành tựu đạt được về sử dụng nguồn nước từ hồ Dầu Tiếng cho phát triển kinh tế - xã hội được trình bày cho thấy rằng: trong 20 năm qua nguồn nước của Hồ đã được sử dụng rất hiệu quả cho mục tiêu phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh và cấp nước sinh hoạt cho các vùng hưởng lợi bao gồm Tây Ninh, Bình Dương, Long An và TP. Hồ Chí Minh. Công trình thủy lợi nội đồng được cải thiện làm tăng diện tích các khu tưới cũng như năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp được tăng cao từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn của những vùng hưởng lợi theo hướng chuyên canh hoá cao và tiến tới hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

Nguồn nước tưới của hồ Dầu Tiếng có đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế các vùng đất canh tác của Củ Chi và Hóc Môn, vùng ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh, do quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đa dạng hoá cây trồng và có thể đáp ứng yêu cầu nước tưới cho phát triển các loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao như cây cảnh, trồng hoa, rau màu ngăn ngừa làm tăng khả năng quay vòng đất. Ngoài ra, các loại thủy sản nước ngọt có lợi nhuận kinh tế cao như ba ba, cá sấu, cá bống tượng, cá riêu hồng,... cũng đã và đang được nuôi và phát triển mạnh để cung cấp nguồn thực phẩm cho thành phố, xuất khẩu đóng góp chung cho nền kinh tế của đất nước.

Các hồ chứa lớn có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội cho các vùng phía hạ lưu, ngoài ra việc bảo vệ an toàn hồ chứa cũng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm bảo vệ đất đai, môi trường, an toàn tính mạng và tài sản của nhiều triệu người phía hạ du hồ. Do vậy, tác giả kiến nghị các ngành chức năng cần quan tâm, đầu tư các đề tài nghiên cứu khoa học chuyên sâu về hồ học, trong đó đặc biệt quan tâm về lĩnh vực chất lượng nước, khả năng bồi lắng lòng hồ và các biện pháp bảo vệ an toàn hồ chứa lớn. Ngoài ra, cần thiết phải đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý vận hành như xây dựng hệ thống tự động giám sát và điều khiển chế độ mực nước hồ, trang bị hệ thống tin học và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý, cũng như nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Các tài liệu đo đạc, khảo sát của Công ty khai thác thủy lợi Dầu Tiếng, Công ty khai thác công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi các tỉnh tây Ninh, Long An và TP. Hồ Chí Minh.
2. **Lương Văn Thanh và cs.,** 2005. Điều tra, đánh giá chất lượng nước của hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng. Chương trình Điều tra cơ bản tài nguyên nước và công trình thủy lợi. Cục Thủy lợi.
3. **Lương Văn Thanh và cs.,** 2004. Đánh giá ảnh hưởng hiện nay của chất độc hoá học đối với môi trường hồ Trị An - Đề xuất các giải pháp khắc phục. Báo cáo tổng kết đề tài khoa học cấp Nhà nước. Chương trình 33.